

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả rèn luyện của HSSV bậc TCCN và Cao đẳng Chính quy
Học kì I năm học 2017 - 2018

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ - ĐHLN - TCHC ngày 15/2/2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Lâm nghiệp qui định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của cơ sở 2 trường Đại học lâm nghiệp;

Căn cứ quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục Đại học và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy, ban hành kèm theo quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện HSSV ngày 05/4/2018

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn trong học kì I năm học 2017 - 2018 của 88 học sinh TCCN (CNTY6) và 129 sinh viên Cao đẳng hệ chính quy được phân loại như sau:

I. Bậc Trung cấp: 88 HS

+ Loại Xuất sắc:	4 HS	+ Loại TB:	0 HS
+ Loại Tốt:	16 HS	+ Loại Yếu:	01 HS
+ Loại Khá:	45 HS	+ Loại Kém:	4 HS
+ Loại TB Khá:	18 HS		

II. Bậc Cao đẳng: 129 SV

+ Loại Xuất sắc:	4 SV	+ Loại TB:	9 SV
+ Loại Tốt:	29 SV	+ Loại Yếu:	4 SV
+ Loại Khá:	42 SV	+ Loại Kém:	12 SV
+ Loại TB Khá:	29 SV		

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả rèn luyện là cơ sở xét danh hiệu trong toàn khóa học của học sinh sinh viên đồng thời được ghi nhận vào hồ sơ của học sinh sinh viên theo quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa chuyên môn, Phòng chức năng; GVCN lớp và các học sinh sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, HSSV.



Q. GIÁM ĐỐC

Vũ Thu Hương

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HSSV HỆ TCCN VÀ CAO ĐẲNG

Học kì I năm học 2017 - 2018
 (Ban hành kèm theo quyết định số: 310/QĐ-PHDHLN-SV ngày 05/04/2018)



TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
I. Khoa Kinh tế							
C04_Kế toán							
1	1	151340301009	Nguyễn Nữ Tuyết	Hằng	71	Khá	
2	2	151340301002	Lê Thị Thuý	Hương	0	Kém	
3	3	151340101002	Cao Phi	Long	0	Kém	
4	4	151340301004	Mai Thị Hồng	Oanh	77	Khá	
5	5	151340301005	Lê Thị Thu	Thảo	78	Khá	
6	6	151340101003	Nguyễn Thành	Tri	0	Kém	
7	7	151340101004	Nguyễn	Triệu	0	Kém	
8	8	151340301007	Võ Thị Hoàng	Vân	77	Khá	
C05_Kế toán							
9	1	161340301001	Lê Quang Hồng	Ân	81	Tốt	
10	2	161340101002	Nguyễn Đặng Chí	Kiên	58	Trung bình	
11	3	161340101004	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	0	Kém	
12	4	161340301002	Nguyễn Thị Minh	Tâm	79	Khá	
13	5	161340101001	Nguyễn Đăng	Tân	0	Kém	
14	6	165340301048	Đặng Thị	Thanh	83	Tốt	
15	7	161340301004	Lê Thị Thu	Thảo	48	Yếu	
16	8	161340101003	Nguyễn Thị Phương	Uyên	0	Kém	
II. Khoa Lâm học							
C04_QLDD							
17	1	151850103001	K	Bào	83	Tốt	
18	2	151850103002	Nguyễn Xuân	Danh	81	Tốt	
19	3	151850103003	Nguyễn Ngọc	Đan	83	Tốt	
20	4	151850103004	Mạc Lê	Hưng	68	Trung bình khá	
21	5	151850103005	Nguyễn Đình	Minh	64	Trung bình khá	
22	6	151850103006	Trần Cái Hoài	Nhân	81	Tốt	
23	7	151850103007	Phan Minh	Tuấn	78	Khá	
24	8	151850103008	Trương Nguyễn Minh	Tuệ	80	Tốt	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
C05_QLDD							
25	1	161850103002	Lê Huỳnh Thị	Hoan	76	Khá	
26	2	161850103003	Nguyễn Quốc	Khánh	80	Tốt	
27	3	161850103005	Lê Hồng	Ngọc	68	Trung bình khá	
28	4	161850103010	Đào Hoàng	Phú	73	Khá	
29	5	161850103006	Đỗ Thị Thu	Thảo	76	Khá	
30	6	161850103001	Ka	Thỏi	80	Tốt	
31	7	161440301002	Trần Phước	Thuận	0	Kém	
III.Khoa Nông học							
CNTY6A							
32	1	16006025	Nguyễn Tuấn	Anh	90	Xuất sắc	
33	2	16006043	Hứa Văn	Diệp	82	Tốt	
34	3	16006029	Ngô Thùy	Dương	94	Xuất sắc	
35	4	16006109	Chương Hồng	Đạt	76	Khá	
36	5	16006006	Hà Thành	Đạt	80	Tốt	
37	6	16006115	Hồ Quân	Đạt	83	Tốt	
38	7	16006017	Trần Xuân	Đạt	85	Tốt	
39	8	16006030	Trần Minh	Đức	80	Tốt	
40	9	16006026	Nghiêm Thị Hồng	Hạnh	70	Khá	
41	10	16006021	Đặng Thị Bích	Hằng	82	Tốt	
42	11	16006013	Nguyễn Thị Như	Hằng	73	Khá	
43	12	16006001	Phạm Thanh	Hiền	73	Khá	
44	13	16006018	Nguyễn Hoàng	Hiếu	73	Khá	
45	14	16006104	Vũ Minh	Hiếu	70	Khá	
46	15	16006009	Chu Thị	Hoài	71	Khá	
47	16	16006016	Tô Thị	Hoài	78	Khá	
48	17	16006031	Chinh Ngọc	Hoàng	80	Tốt	
49	18	16006110	Võ Bá Mạnh	Hùng	72	Khá	
50	19	16006005	Phạm Văn	Huy	0	Kém	
51	20	16006034	Nguyễn Minh	Khải	70	Khá	
52	21	16006007	Trần Hữu	Khải	89	Tốt	
53	22	16006027	Nguyễn Hoàng	Khôi	75	Khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
54	23	16006035	Phạm Đăng	Khương	76	Khá	
55	24	16006015	Lý	Kiệt	77	Khá	
56	25	16006012	Lý Thị Nhật	Linh	94	Xuất sắc	
57	26	16006045	Nguyễn Hữu	Minh	0	Kém	
58	27	16006010	Trần Minh	Nhật	73	Khá	
59	28	16006039	Trần Minh	Nhật	75	Khá	
60	29	16006014	Nguyễn Hồng	Phong	73	Khá	
61	30	16006033	Phạm Thanh	Phong	72	Khá	
62	31	16006072	Vũ Văn	Quang	73	Khá	
63	32	16006028	Lê Xuân	Quân	78	Khá	
64	33	16006011	Bùi Ngọc	Quyền	82	Tốt	
65	34	16006020	Nguyễn Minh	Son	75	Khá	
66	35	16006008	Phạm Minh	Tâm	70	Khá	
67	36	16006090	Bùi Minh	Thảo	70	Khá	
68	37	16006099	Nguyễn Minh	Thiên	67	Trung bình khá	
69	38	16006101	Thân Ngọc	Thuy	85	Tốt	
70	39	16006022	Hồ Chu	Toàn	70	Khá	
71	40	16006111	Trần Văn	Trang	0	Kém	
72	41	16006036	Đỗ Minh	Trung	68	Trung bình khá	
73	42	16006041	Đình Quốc	Tú	78	Khá	
74	43	16006040	Nguyễn Ánh	Tuyết	79	Khá	
75	44	16006002	Phún Chí	Viên	71	Khá	
76	45	16006100	Hoàng Quốc	Việt	73	Khá	
77	46	16006102	Trần Hoàng	Vũ	79	Khá	
78	47	16006038	Nguyễn Hùng	Vỹ	77	Khá	
CNTY6B							
79	1	16006096	Bùi Văn	Anh	60	Trung bình khá	
80	2	16006076	Phạm Văn	Chiến	72	Khá	
81	3	16006106	Nguyễn Thị	Chung	77	Khá	
82	4	16006066	Nguyễn Văn	Dũng	63	Trung bình khá	
83	5	16006079	Trương Văn	Dũng	64	Trung bình khá	
84	6	16006091	Phạm Văn	Đạt	70	Khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
85	7	16006070	Nguyễn Hồng	Hải	78	Khá	
86	8	16006087	Bùi Thị	Hạnh	85	Tốt	
87	9	16006094	Nguyễn Văn	Hào	64	Trung bình khá	
88	10	16006046	Lê Thị Thu	Hiền	15	Kém	
89	11	16006063	Trần Văn	Hiếu	71	Khá	
90	12	16006082	Phan Trọng	Hoàng	60	Trung bình khá	
91	13	16006061	Chương Thế	Hùng	64	Trung bình khá	
92	14	16006075	Nông Văn	Hùng	64	Trung bình khá	
93	15	16006095	Nguyễn Văn	Hưng	61	Trung bình khá	
94	16	16006052	Nguyễn Thị Diễm	Hương	85	Tốt	
95	17	16006044	Phùng Ngọc	Khang	75	Khá	
96	18	16006097	Nguyễn Văn	Khánh	75	Khá	
97	19	16006068	Điền Văn	Lắm	66	Trung bình khá	
98	20	16006058	Phạm Thanh	Long	70	Khá	
99	21	16006060	Châu Hữu	Lộc	68	Trung bình khá	
100	22	16006108	Trần Thị	Lượt	81	Tốt	
101	23	16006077	Vũ Xuân	Lưu	80	Tốt	
102	24	16006056	Lê Kiều	Mai	85	Tốt	
103	25	16006089	Chu Văn	Nam	64	Trung bình khá	
104	26	16006071	Nguyễn Hữu	Nguyên	70	Khá	
105	27	16006053	Nguyễn Hoàng	Phúc	75	Khá	
106	28	16006085	Trương Hoàng	Phúc	62	Trung bình khá	
107	29	16006073	Nguyễn	Sang	70	Khá	
108	30	16006048	Đỗ Tấn	Tài	73	Khá	
109	31	16006059	Nguyễn Văn	Tân	71	Khá	
110	32	16006042	Trịnh Công	Thành	75	Khá	
111	33	16006062	Ngô Khắc	Thọ	68	Trung bình khá	
112	34	16006105	Phan Thành	Thông	44	Yếu	
113	35	16006065	Hồ Anh	Toàn	66	Trung bình khá	
114	36	16006116	Phạm Nguyễn Thuỳ	Trang	72	Khá	
115	37	16006055	Trần Thị Bích	Trâm	82	Tốt	
116	38	16006057	Hồ Ngọc	Tuấn	66	Trung bình khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
117	39	16006114	Võ Quốc	Tuấn	66	Trung bình khá	
118	40	16006081	Dương Duy	Tùng	70	Khá	
119	41	16006051	Lưu Thị Tú	Uyên	90	Xuất sắc	
IV.Khoa TN &MT							
C04_KHMT							
120	1	151440301001	Nguyễn Vũ Việt	Anh	77	Khá	
121	2	151850103010	Nguyễn Chí	Dũng	90	Xuất sắc	
122	3	151440301002	Huỳnh Gia	Hân	58	Trung bình	
123	4	151440301003	Phạm Trần Quốc	Huy	52	Trung bình	
124	5	151440301004	Nguyễn Vương	Linh	46	Yếu	
125	6	151440301005	Nguyễn Thị Yến	Nhi	82	Tốt	
126	7	151440301006	Vòng Nhật	Quang	78	Khá	
127	8	151440301008	Nguyễn Thị Bích	Tánh	82	Tốt	
128	9	151440301007	Phạm Thị	Thắm	82	Tốt	
129	10	151340301006	Phan Thị Ngọc	Trâm	0	Kém	
130	11	151850103009	Trần Thị Kim	Vân	81	Tốt	
C04_QLTNR							
131	1	151620205001	Trần Bảo	Anh	71	Khá	
132	2	151620211002	Hồ Chí	Bảo	66	Trung bình khá	
133	3	151620211001	Võ Thanh	Bằng	78	Khá	
134	4	151620211003	Trần Quốc	Đạt	75	Khá	
135	5	151620211004	Ksor	Đông	70	Khá	
136	6	151620211005	Phạm Duy	Hậu	63	Trung bình khá	
137	7	151620211007	Dương Văn	Hiếu	71	Khá	
138	8	151620211006	Hà Lê Sơn	Hiếu	75	Khá	
139	9	151620211010	Võ Sỹ	Hùng	90	Xuất sắc	
140	10	151620205004	K	Huy	66	Trung bình khá	
141	11	151620205002	Nguyễn Quang	Huy	75	Khá	
142	12	151620205003	Bùi Khắc Quốc	Khánh	59	Trung bình	
143	13	151620211013	Trương Thanh	Kiểu	68	Trung bình khá	
144	14	151620211014	K	Kim	75	Khá	
145	15	151620211037	Phan Thanh	Lâm	75	Khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
146	16	151620211015	Trần Văn	Lâm	66	Trung bình khá	
147	17	151620211016	Từ Văn	Lập	85	Tốt	
148	18	151620211017	Đoàn Vũ	Linh	85	Tốt	
149	19	151620211030	Thái Văn	Lý	0	Kém	
150	20	151620211020	Nguyễn Thành	Nhân	73	Khá	
151	21	151620211021	Đặng Đình	Quý	66	Trung bình khá	
152	22	151620211022	Mo Lom	Sam	69	Trung bình khá	
153	23	151620211023	Đỗ Trường	Sang	71	Khá	
154	24	151620211024	Lê Thành	Tiến	76	Khá	
155	25	151620211035	Đa Cát Ha	Tinh	75	Khá	
156	26	151620211025	Phan Anh	Toàn	59	Trung bình	
157	27	151620211026	Lục Văn	Triệu	80	Tốt	
158	28	151620211028	Nông Quốc	Tuấn	80	Tốt	
159	29	151620211029	Trần Văn	Vi	63	Trung bình khá	
C05_KHMT							
160	1	161620205004	Bùi Tuấn	Anh	56	Trung bình	
161	2	161620205001	Lê Quyền	Anh	0	Kém	
162	3	161620211005	Nguyễn Văn	Bảo	70	Khá	
163	4	161620211008	Bùi Thanh	Bình	72	Khá	
164	5	161620205006	La	Dân	76	Khá	
165	6	161620211023	Nguyễn Khương	Duy	67	Trung bình khá	
166	7	161620205005	Nguyễn Thành	Đạt	61	Trung bình khá	
167	8	161620211014	Thái Văn	Đạt	60	Trung bình khá	
168	9	161620211024	Nguyễn Quang	Đề	78	Khá	
169	10	161620211017	Nguyễn Thanh	Đô	81	Tốt	
170	11	161620211020	Thái Văn	Học	62	Trung bình khá	
171	12	161620211026	Liêng Hót Ha	Hùng	60	Trung bình khá	
172	13	161620211021	Krã Jăn	K Ji	61	Trung bình khá	
173	14	161620205002	Trần Quốc	Khánh	72	Khá	
174	15	161440301001	Lê Ngọc	Lâm	66	Trung bình khá	
175	16	161620211035	Lê Nhựt	Minh	56	Trung bình	
176	17	161620205003	Phan Thành	Nhân	61	Trung bình khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
177	18	161620211018	Hàm Quốc Anh	Nhiên	86	Tốt	
178	19	161620211019	Cao Danh	Quốc	71	Khá	
179	20	161620211012	Kon Sơ Ha	Sâm	71	Khá	
180	21	161620211006	Nguyễn Văn	Son	40	Yếu	
181	22	161620211016	Đàng Năng	Suky	75	Khá	
182	23	161620211013	Khương Lê Chí	Thọ	82	Tốt	
183	24	161620211001	Phùng Châu Kim	Thúy	86	Tốt	
184	25	161620211003	Nguyễn Anh	Thương	75	Khá	
185	26	161620211022	Đình Công	Tín	67	Trung bình khá	
186	27	161620211025	Nguyễn Văn	Trung	80	Tốt	
187	28	161620211004	Trương Thị Tường	Vân	91	Xuất sắc	
188	29	161620211010	Triệu Văn	Vinh	83	Tốt	
C05_QLTNR							
189	1	161620205004	Bùi Tuấn	Anh	56	Trung bình	
190	2	161620205001	Lê Quyền	Anh	0	Kém	
191	3	161620211005	Nguyễn Văn	Bảo	70	Khá	
192	4	161620211008	Bùi Thanh	Bình	72	Khá	
193	5	161620205006	La	Dân	76	Khá	
194	6	161620211023	Nguyễn Khương	Duy	67	Trung bình khá	
195	7	161620205005	Nguyễn Thành	Đạt	61	Trung bình khá	
196	8	161620211014	Thái Văn	Đạt	60	Trung bình khá	
197	9	161620211024	Nguyễn Quang	Đề	78	Khá	
198	10	161620211017	Nguyễn Thanh	Đô	81	Tốt	
199	11	161620211020	Thái Văn	Học	62	Trung bình khá	
200	12	161620211026	Liêng Hót Ha	Hùng	60	Trung bình khá	
201	13	161620211021	Kră Jăn	K Ji	61	Trung bình khá	
202	14	161620205002	Trần Quốc	Khánh	72	Khá	
203	15	161440301001	Lê Ngọc	Lâm	66	Trung bình khá	
204	16	161620211035	Lê Nhựt	Minh	56	Trung bình	
205	17	161620205003	Phan Thành	Nhân	61	Trung bình khá	
206	18	161620211018	Hàm Quốc Anh	Nhiên	86	Tốt	
207	19	161620211019	Cao Danh	Quốc	71	Khá	

TTSV	TTL	Mã số SV	Họ Và Tên		Điểm	Xếp loại	Ghi chú
208	20	161620211012	Kon Sơ Ha	Săm	71	Khá	
209	21	161620211006	Nguyễn Văn	Son	40	Yếu	
210	22	161620211016	Đàng Năng	Suky	75	Khá	
211	23	161620211013	Khương Lê Chí	Thọ	82	Tốt	
212	24	161620211001	Phùng Châu Kim	Thúy	86	Tốt	
213	25	161620211003	Nguyễn Anh	Thương	75	Khá	
214	26	161620211022	Đình Công	Tín	67	Trung bình khá	
215	27	161620211025	Nguyễn Văn	Trung	80	Tốt	
216	28	161620211004	Trương Thị Tường	Vân	91	Xuất sắc	
217	29	161620211010	Triệu Văn	Vinh	83	Tốt	